

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Xét đề nghị của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

Điều 2.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 15, phiên họp thứ 55 thông qua ngày 18 tháng 03 năm 2026.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA QUỐC HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15
ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục và điều kiện bảo đảm thực hiện các hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

2. Quy chế này áp dụng đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Văn phòng Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động đối ngoại của Quốc hội* gồm các hoạt động đoàn ra, đoàn vào trên kênh nghị viện; gia nhập hoặc rút khỏi tổ chức, diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực; ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; đăng cai, tổ chức, chủ trì, tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế (trực tiếp và trực tuyến); hợp tác quốc tế; ứng cử, đề cử bầu vào các chức danh lãnh đạo hoặc tham gia lãnh đạo, thành viên của tổ chức và diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực; tiếp khách quốc tế; nhận, tặng các hình thức khen thưởng có yếu tố nước ngoài; trả lời phỏng vấn của nước ngoài.

2. *Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội* bao gồm Chương trình hoạt động đối ngoại hằng năm của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội được Bộ Chính trị phê duyệt và Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

3. *Hoạt động đối ngoại của Quốc hội ngoài Chương trình đã được duyệt* là hoạt động phát sinh, không có trong Chương trình hoạt động đối ngoại hằng năm đã được Bộ Chính trị phê duyệt hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

4. *Điều chỉnh hoạt động đối ngoại của Quốc hội trong Chương trình đã được duyệt* là hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng do nhu cầu đột xuất

có sự thay đổi, bổ sung, điều chỉnh cơ bản về địa bàn, nội dung, chương trình, thời gian, kinh phí và thành phần tham gia.

5. *Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại* là một Phó Chủ tịch Quốc hội được Chủ tịch Quốc hội ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong hoạt động đối ngoại.

Điều 3. Những nguyên tắc chung

Việc thực hiện hoạt động đối ngoại của Quốc hội phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

1. Quán triệt và tuân thủ quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

2. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân trên cơ sở phân công, phân nhiệm rõ ràng.

3. Tuân thủ Chương trình hoạt động đối ngoại hằng năm đã được cấp có thẩm quyền thông qua và thực hiện nghiêm túc chủ trương thiết thực, tiết kiệm nguồn ngân sách nhà nước và sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ nước ngoài.

4. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, toàn diện của Đảng ủy Quốc hội; tổ chức, thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội. Việc triển khai hoạt động cụ thể dựa trên nguyên tắc đối đẳng, có đi có lại trong quan hệ quốc tế. Đối với trường hợp ngoại lệ, Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Phân công, phân cấp, xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức và cá nhân trong hoạt động đối ngoại của Quốc hội, trong đó:

a) Bộ Ngoại giao chủ trì chuẩn bị nội dung, chương trình, công tác lễ tân và tuyên truyền đối ngoại đối với hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội; hoạt động đối ngoại của nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội dưới danh nghĩa đại diện Đảng, Nhà nước; phối hợp tổ chức hoạt động đối ngoại khác của Quốc hội.

b) Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, trực tiếp là Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại là cơ quan đầu mối phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan triển khai hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo dõi, điều phối triển khai hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổ chức Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam, các Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội và Kiểm toán nhà nước.

c) Văn phòng Quốc hội chủ trì về công tác tổ chức, hậu cần, tài chính, lễ tân nội bộ phục vụ hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội -

Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; phối hợp về hậu cần, lễ tân phục vụ hoạt động đối ngoại của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, đại biểu Quốc hội nếu được đề nghị.

CHƯƠNG II

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH QUỐC HỘI, PHÓ CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Mục 1

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Báo cáo Quốc hội những vấn đề thuộc chính sách đối ngoại của Nhà nước liên quan đến quan hệ với Quốc hội các nước, với các tổ chức và diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực, với các tổ chức quốc tế khác. Trong thời gian Quốc hội không họp, xem xét báo cáo định kỳ của Chính phủ về công tác đối ngoại; cho ý kiến về những vấn đề thuộc chính sách cơ bản về đối ngoại của Nhà nước trước khi trình Quốc hội.

2. Quyết định đăng cai tổ chức hội nghị liên nghị viện thế giới và khu vực tại Việt Nam sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

3. Quyết định việc thành lập, quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam; việc thành lập các Nhóm Nghị sĩ hữu nghị với các nước.

4. Thông qua Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, các Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Kiểm toán nhà nước và Văn phòng Quốc hội.

5. Xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội; xem xét báo cáo kết quả chuyển công tác nước ngoài của đoàn Quốc hội và đoàn Quốc hội nước ngoài, tổ chức quốc tế đến thăm làm việc với Quốc hội Việt Nam; xem xét báo cáo kết quả các hội nghị quốc tế do Quốc hội đăng cai tổ chức.

Mục 2

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện công tác đối ngoại của Quốc hội; thay mặt Quốc hội trong quan hệ đối ngoại của Quốc hội; lãnh đạo hoạt động của đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam tại các tổ chức và diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực.

2. Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội đã được Bộ Chính trị phê duyệt trong đó, xem xét, quyết định đề án đón đoàn không có nội dung phức tạp, nhạy cảm, nội dung làm việc với người đứng đầu cơ quan lập pháp các nước, tổ chức và diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực (các nội dung phức tạp, nhạy cảm báo cáo Bộ Chính trị).

3. Xem xét, quyết định việc đi công tác nước ngoài; chủ trì hoặc tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế có yếu tố phức tạp nhạy cảm tổ chức tại Việt Nam; điều chỉnh hoạt động đối ngoại đã có chủ trương (trừ điều chỉnh mang tính kỹ thuật) hoặc chủ trương đối với hoạt động đối ngoại phát sinh ngoài Chương trình đã được Bộ Chính trị phê duyệt, nội dung làm việc với cấp phó người đứng đầu cơ quan lập pháp các nước; chủ trương nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài, tổ chức quốc tế tặng đối với Phó Chủ tịch Quốc hội.

4. Chỉ đạo việc xây dựng và ký ban hành Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội. Quyết định việc điều chỉnh hoạt động đối ngoại đã có chủ trương (trừ điều chỉnh mang tính kỹ thuật) hoặc hoạt động đối ngoại phát sinh ngoài Chương trình (trừ các hoạt động đối ngoại thông thường), cho ý kiến về nội dung làm việc quan trọng, có yếu tố phức tạp, nhạy cảm với các đối tác nước ngoài đối với Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Xem xét, đề xuất hoặc quyết định chủ trương theo thẩm quyền quản lý cán bộ đề cán bộ giữ các chức danh quy định tại khoản 4 Điều này nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài, tổ chức quốc tế tặng (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Ban Bí thư); việc đi công tác nước ngoài; tiếp khách quốc tế; chủ trì hoặc tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại Việt Nam và trả lời phỏng vấn của nước ngoài có yếu tố phức tạp, nhạy cảm.

5. Xem xét, quyết định việc đi nước ngoài; chủ trì hoặc tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và trả lời phỏng vấn của nước ngoài có yếu tố phức tạp, nhạy cảm; nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài, tổ chức quốc tế tặng đối với nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội.

Điều 6. Quy trình triển khai hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội

1. Việc triển khai chuyển công tác nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Bộ Ngoại giao:

- Chủ trì xây dựng tờ trình về chủ trương, đề án đoàn ra, lấy ý kiến của Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại và các cơ quan liên quan trước khi trình xin ý kiến của Chủ tịch Quốc hội và trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại và các cơ quan liên quan tổ chức đoàn tiền trạm và báo cáo Chủ tịch Quốc hội về các vấn đề liên quan. Thành phần đoàn tiền trạm gồm đại diện Bộ Ngoại giao, Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Văn phòng Quốc hội, Bộ

Tư lệnh cảnh vệ và các cơ quan liên quan khác (trong trường hợp cần thiết để đảm bảo yêu cầu công tác);

- Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại về nội dung, tuyên truyền đối ngoại; dự thảo báo cáo kết quả chuyển công tác, trình xin ý kiến của Chủ tịch Quốc hội và Bộ Chính trị;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội về lễ tân đối ngoại, tổ chức triển khai các hoạt động phục vụ chuyển công tác.

b) Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan dự kiến danh sách đoàn chính thức, đoàn tùy tùng, nhóm phóng viên đi cùng và thành phần khác (nếu có) trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định. Trên cơ sở ý kiến của Chủ tịch Quốc hội, phối hợp với Ủy ban Công tác đại biểu về việc tham mưu, trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại ký ban hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn công tác của Chủ tịch Quốc hội trước ngày đi công tác 05 ngày làm việc; phối hợp với Văn phòng Quốc hội ban hành văn bản thông báo đoàn ra.

- Chủ trì đề xuất, xây dựng thỏa thuận quốc tế nhân danh Quốc hội dự kiến ký kết trong chuyển công tác (nếu có).

c) Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Bộ Ngoại giao về công tác tổ chức, hậu cần, tài chính, lễ tân nội bộ phục vụ chuyển công tác.

2. Việc đón các đoàn Chủ tịch Quốc hội / Nghị viện các nước, người đứng đầu tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực được thực hiện như sau:

a) Đối với các chuyến thăm chính thức:

(i) Bộ Ngoại giao:

- Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại xây dựng tờ trình về chủ trương, đề án đón đoàn vào, đề án lễ tân, đề án thông tin tuyên truyền, đề cương hội đàm, kiến nghị phát biểu của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, báo cáo kết quả chuyển công tác, trình xin ý kiến của Chủ tịch Quốc hội và Bộ Chính trị;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội xây dựng đề án lễ tân, đề án thông tin tuyên truyền. Trong quá trình triển khai hoạt động đối ngoại cụ thể, nếu thấy cần thiết, đề xuất cấp có thẩm quyền nâng cấp mức độ đón tiếp.

(ii) Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan dự kiến thành phần phía Việt Nam tham dự các hoạt động chính thức;

- Chủ trì đề xuất, xây dựng thỏa thuận quốc tế nhân danh Quốc hội dự kiến ký kết trong chuyển công tác (nếu có).

(iii) Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Bộ Ngoại giao về công tác tổ chức, hậu cần, tài chính, lễ tân nội bộ phục vụ đoàn vào.

(iv) Thành phần tham dự các hoạt động:

- Đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại hoặc Bộ Ngoại giao hoặc Văn phòng Quốc hội hoặc Nhóm Nghị sĩ hữu nghị liên quan đón, tiễn tại sân bay.

- Thành phần dự lễ đón chính thức, hội đàm hoặc hội kiến, chiêu đãi chính thức do Chủ tịch Quốc hội chủ trì gồm đại diện lãnh đạo: Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị liên quan, Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức, địa phương khác (nếu có) do Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao kiến nghị.

- Bộ Ngoại giao cử đại diện lãnh đạo Bộ hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Chủ tịch Quốc hội về tình hình quan hệ và những vấn đề liên quan đến chuyến thăm.

- Lãnh đạo Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại hoặc lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, đại diện Nhóm Nghị sĩ hữu nghị tháp tùng các hoạt động của đoàn.

- Văn phòng Quốc hội gửi giấy mời tham dự các hoạt động.

b) Đối với các chuyến thăm nội bộ, thăm làm việc, quá cảnh, khám chữa bệnh, nghỉ dưỡng, quy trình triển khai rút gọn so với đoàn thăm chính thức (không có đón chính thức và hội đàm).

Khi Chủ tịch Quốc hội tiếp đoàn, quy trình áp dụng tương tự tiếp khách quốc tế của Chủ tịch Quốc hội. Thành phần tham dự cùng Chủ tịch Quốc hội gồm đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, lãnh đạo Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan (nếu cần thiết).

3. Việc tiếp khách quốc tế của Chủ tịch Quốc hội được thực hiện như sau:

a) Đối với đoàn khách quốc tế thăm chính thức, thăm làm việc, Bộ Ngoại giao chủ trì về nội dung, tuyên truyền đối ngoại, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Chủ tịch Quốc hội chủ trương tiếp đoàn.

b) Căn cứ chủ trương đón tiếp đã được phê duyệt, Văn phòng Quốc hội xây dựng kế hoạch lễ tân và tổ chức thực hiện.

c) Thành phần tham dự cùng Chủ tịch Quốc hội tiếp khách cấp cao nước ngoài gồm đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, lãnh đạo Bộ Ngoại giao.

d) Thành phần tham dự cùng Chủ tịch Quốc hội tiếp các đoàn khách quốc tế khác gồm: đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban tương ứng của Quốc hội hoặc đại diện Nhóm Nghị sĩ hữu nghị tương ứng, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, lãnh đạo Bộ Ngoại giao.

đ) Thành phần tham dự cùng Chủ tịch Quốc hội tiếp Đại sứ các nước đến chào xã giao, từ biệt nhân dịp bắt đầu nhiệm kỳ, kết thúc nhiệm kỳ hoặc theo yêu cầu công việc gồm đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, lãnh đạo Bộ Ngoại giao.

4. Đối với các hoạt động đối ngoại khác của Chủ tịch Quốc hội, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại báo cáo Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

Mục 3

CÁC PHÓ CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Phó Chủ tịch Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Chủ trì các hoạt động đối ngoại, tiếp đón các đoàn khách quốc tế, các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc lĩnh vực phụ trách, thực hiện nhiệm vụ đối ngoại khác theo sự phân công của Chủ tịch Quốc hội.

2. Đề xuất yêu cầu, nội dung hoạt động đối ngoại hằng năm của Phó Chủ tịch Quốc hội.

3. Cho ý kiến về Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội và các hoạt động đối ngoại liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại

1. Quyết định việc cử đoàn ra cấp Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội không thuộc các trường hợp tại khoản 4 Điều 5, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, đại biểu Quốc hội đi thăm làm việc tại nước ngoài.

2. Quyết định đón đoàn Quốc hội nước ngoài từ cấp Phó Chủ nhiệm Ủy ban trở xuống thăm làm việc tại Việt Nam.

3. Quyết định chủ trương đề cử cán bộ giữ các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này nhận huân, huy chương và danh hiệu của nước ngoài, tổ chức quốc tế.

4. Cho ý kiến về Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội.

5. Cho ý kiến trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc phân bổ kinh phí hoạt động đối ngoại hằng năm của Quốc hội.

6. Thay mặt Chủ tịch Quốc hội trong các hoạt động đối ngoại khi được Chủ tịch Quốc hội ủy quyền.

Điều 9. Quy trình triển khai hoạt động đối ngoại của Phó Chủ tịch Quốc hội

1. Việc triển khai chuyển công tác nước ngoài của Phó Chủ tịch Quốc hội được thực hiện như sau:

a) Bộ Ngoại giao:

- Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng An ninh và Đối ngoại của Quốc hội trình xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội là Trưởng đoàn công tác và Chủ tịch Quốc hội về chủ trương chuyển công tác, thành phần đoàn và báo cáo cấp có thẩm quyền;

- Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Chủ tịch Quốc hội và cấp có thẩm quyền về đề án đoàn ra ít nhất 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động (trừ trường hợp phát sinh đột xuất);

- Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Phó Chủ tịch Quốc hội là Trưởng đoàn công tác duyệt nội dung báo cáo kết quả chuyển công tác;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội xây dựng và trình Phó Chủ tịch Quốc hội là Trưởng đoàn công tác đề án lễ tân của chuyển công tác.

b) Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan dự kiến danh sách đoàn trình Phó Chủ tịch Quốc hội là Trưởng đoàn công tác xem xét, quyết định; Trên cơ sở ý kiến của Phó Chủ tịch Quốc hội, phối hợp với Ủy ban Công tác đại biểu về việc tham mưu, trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại ký ban hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn công tác của Phó Chủ tịch Quốc hội trước ngày đi công tác 05 ngày làm việc; phối hợp với Văn phòng Quốc hội ban hành văn bản thông báo đoàn ra.

- Chủ trì đề xuất, xây dựng thỏa thuận quốc tế nhân danh Quốc hội dự kiến ký kết trong chuyển công tác (nếu có).

c) Văn phòng Quốc hội chủ trì công tác tổ chức, hậu cần, tài chính, lễ tân nội bộ phục vụ chuyển công tác.

2. Việc đón các đoàn vào cấp Phó Chủ tịch Quốc hội / Nghị viện các nước, cấp phó của người đứng đầu tổ chức, diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực được thực hiện như sau:

a) Đối với các chuyển thăm làm việc

(i) Bộ Ngoại giao:

- Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Chủ tịch Quốc hội về chủ trương đón đoàn. Trong trường hợp cần thiết, đề xuất cấp có thẩm quyền nâng cấp mức độ đón tiếp;

- Chủ trì về nội dung, tuyên truyền đối ngoại; phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại xây dựng chương trình, đề án đón đoàn vào; dự thảo báo cáo kết quả chuyển thăm, trình xin ý kiến của Phó Chủ tịch Quốc hội và báo cáo Ban Bí thư.

(ii) Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại:

- Kiến nghị Chủ tịch Quốc hội phân công 01 Phó Chủ tịch Quốc hội chủ trì đón tiếp, hội đàm, chiêu đãi đoàn;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan dự kiến thành phần phía Việt Nam tham dự các hoạt động chính thức, trình Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công xem xét, quyết định;

- Chủ trì đề xuất, xây dựng thỏa thuận quốc tế nhân danh Quốc hội dự kiến ký kết trong chuyến công tác (nếu có).

(iii) Văn phòng Quốc hội chủ trì về công tác tổ chức, hậu cần, tài chính, lễ tân nội bộ phục vụ đoàn vào.

(iv) Thành phần tham dự các hoạt động:

- Đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại hoặc Nhóm Nghị sĩ hữu nghị liên quan hoặc Bộ Ngoại giao đón, tiễn tại sân bay.

- Thành phần dự hội đàm, chiêu đãi do Phó Chủ tịch Quốc hội chủ trì gồm đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị liên quan, Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao do Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại phối hợp với Bộ Ngoại giao kiến nghị.

- Bộ Ngoại giao cử đại diện lãnh đạo Bộ hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội về tình hình quan hệ và những vấn đề liên quan đến chuyến thăm.

- Đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, lãnh đạo Văn phòng Quốc hội tham dự một số hoạt động chính thức của đoàn.

- Văn phòng Quốc hội gửi giấy mời tham dự các hoạt động.

b) Đối với các chuyến thăm nội bộ, quá cảnh, khám chữa bệnh, nghỉ dưỡng, quy trình triển khai rút gọn so với các đoàn thăm làm việc (không có hội đàm).

Khi Phó Chủ tịch Quốc hội tiếp đoàn, quy trình áp dụng tương tự tiếp khách quốc tế của Phó Chủ tịch Quốc hội. Thành phần tham dự cuộc tiếp cùng Phó Chủ tịch Quốc hội gồm đại diện Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan (nếu cần thiết).

3. Việc tiếp khách quốc tế của Phó Chủ tịch Quốc hội được thực hiện như sau:

a) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Phó Chủ tịch Quốc hội về chủ trương, nội dung, thành phần, tuyên truyền đối ngoại; trình Chủ tịch Quốc hội cho ý kiến về nội dung làm việc quan trọng, có yếu tố phức tạp, nhạy cảm (nếu có). Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan liên quan báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội về tình hình quan hệ và những vấn đề liên quan đến chuyến thăm;

b) Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Phó Chủ tịch Quốc hội danh sách đại biểu tham gia tiếp khách cùng Phó Chủ tịch Quốc hội;

c) Văn phòng Quốc hội chủ trì về công tác tổ chức, hậu cần, tài chính, lễ tân nội bộ; gửi giấy mời tham dự cuộc tiếp của Phó Chủ tịch Quốc hội.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG ỦY QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI, NHÓM NGHỊ SĨ HỮU NGHỊ, NHÓM NỮ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, NHÓM ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRẺ, ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, VĂN PHÒNG QUỐC HỘI, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, đại biểu Quốc hội, Văn phòng Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, đại biểu Quốc hội, Văn phòng Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thực hiện quan hệ đối ngoại với cơ quan liên quan của Quốc hội / Nghị viện các nước, cơ quan liên quan khác của nước ngoài, tổ chức quốc tế nhằm nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, góp phần tăng cường quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế theo chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước;

b) Phối hợp với Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại thực hiện quan hệ đối ngoại, thông tin đối ngoại của Quốc hội và hoạt động hợp tác quốc tế;

c) Chủ động đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm:

d) Cử thành viên, công chức cơ quan giúp việc tham gia hoạt động đối ngoại khi có yêu cầu;

đ) Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, gửi báo cáo công tác đối ngoại tới Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để tổng hợp xây dựng Báo cáo hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội. Báo cáo kèm theo các phụ lục sau đây: Bảng tổng hợp đoàn ra - đoàn vào đã thực hiện trong năm (*Mẫu số 01*); Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra năm tiếp theo (*Mẫu số 02*); Tổng hợp kế hoạch đoàn vào năm tiếp theo (*Mẫu số 03*); Báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế (*Mẫu số 04*).

2. Đại biểu Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia các hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, đối ngoại nhân dân ở trong nước và nước ngoài khi được mời hoặc được đề nghị;

b) Khi được mời hoặc đề nghị tham gia các hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, đối ngoại nhân dân ở trong nước với danh nghĩa đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội báo cáo cơ quan chủ quản. Trường hợp có yếu tố phức tạp, nhạy cảm, cơ quan chủ quản lấy ý kiến của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại.

c) Khi đại biểu Quốc hội được mời hoặc đề nghị tham gia hoạt động đối ngoại ở nước ngoài với danh nghĩa đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ quản gửi văn bản đề

ng nghị Ủy ban Quốc phòng An ninh và Đối ngoại để báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại.

Sau khi kết thúc hoạt động, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại bằng văn bản, đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trong thời gian 10 ngày, trừ trường hợp đoàn công tác có báo cáo chung.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Thực hiện quan hệ đối ngoại với Quốc hội/Nghị viện các nước, các tổ chức và diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực theo sự chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại.

2. Kiến nghị các vấn đề về chính sách đối ngoại của Nhà nước, về quan hệ với Quốc hội / Nghị viện các nước, các tổ chức và diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực, các tổ chức quốc tế khác.

3. Phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng, trình cấp có thẩm quyền về Chương trình hoạt động đối ngoại hằng năm của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội.

4. Tổng hợp dự kiến Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.

5. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai các hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội.

6. Giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo dõi, điều phối triển khai hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổ chức Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam, các Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội và Kiểm toán nhà nước.

7. Giữ quan hệ công tác với các Ủy ban phụ trách công tác đối ngoại của Quốc hội / Nghị viện các nước.

Điều 12. Quy trình triển khai hoạt động đối ngoại của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, đại biểu Quốc hội, Văn phòng Quốc hội

1. Quy trình triển khai đoàn ra được thực hiện như sau:

a) Căn cứ Chương trình hoạt động đối ngoại đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, cơ quan tổ chức đoàn ra chủ trì trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Chủ tịch Quốc hội về chủ trương theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Quy chế này; đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại và Văn phòng Quốc hội. Đối với các chuyến công tác diễn trong thời gian kỳ họp Quốc hội, cơ

quan tổ chức chuyên công tác phải báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại và Chủ tịch Quốc hội.

b) Đối với các đoàn có sự điều chỉnh về địa bàn, thời gian hoặc thành phần đoàn, cơ quan tổ chức đoàn ra phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại theo thẩm quyền tại Điều 5 và Điều 8 của Quy chế này.

c) Thời gian, địa bàn thăm, thành phần, quy trình xin ý kiến về chuyên công tác thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và Quy chế này.

d) Trước khi cử các đoàn đi công tác đến các địa bàn hoặc tham dự các hoạt động đối ngoại có yếu tố phức tạp, nhạy cảm, cơ quan chủ trì lấy ý kiến Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Cơ quan đại diện Việt Nam tại địa bàn và các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai.

đ) Cơ quan tổ chức đoàn ra gửi văn bản đến Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại thông báo về địa bàn, thời gian, thành phần, nội dung của chuyên công tác; gửi văn bản đến Ủy ban Công tác đại biểu đề nghị ban hành Nghị quyết thành lập đoàn công tác trước ngày đi ít nhất 5 ngày làm việc; gửi văn bản đến Văn phòng Quốc hội đề nghị làm các thủ tục cần thiết cho đoàn (hộ chiếu, thị thực, thanh quyết toán, văn bản thông báo đoàn ra...). Sau khi được Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội phê duyệt về nhân sự theo thẩm quyền, cơ quan tổ chức đoàn ra ban hành Quyết định nhân sự tham gia chuyên công tác.

Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại gửi công hàm, công điện cho Cơ quan đại diện nước sở tại tại Việt Nam và Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước sở tại thông báo về chuyên công tác.

Văn phòng Quốc hội gửi công hàm, công điện liên quan đến lễ tân, hậu cần, phối hợp hướng dẫn làm các thủ tục hộ chiếu, thị thực cho đoàn và phối hợp với cơ quan tổ chức đoàn ra lập dự trù kinh phí, thanh quyết toán cho đoàn nếu có đề nghị.

e) Cơ quan tổ chức đoàn ra xây dựng báo cáo kết quả chuyên công tác gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại và các cơ quan liên quan trong thời gian 10 ngày sau khi kết thúc chuyên công tác.

2. Quy trình đón đoàn vào được thực hiện như sau:

a) Khi nhận được đề nghị đón đoàn vào của Quốc hội / Nghị viện các nước thăm làm việc tại Việt Nam, Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại lấy ý kiến Hội đồng Dân tộc, Ủy ban liên quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội trước khi trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại và Chủ tịch Quốc hội về chủ trương đón đoàn cấp Chủ nhiệm Ủy ban; trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại về chủ trương đón đoàn cấp Phó Chủ nhiệm Ủy ban trở xuống; đồng gửi Hội đồng Dân tộc, Ủy ban liên quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội để phối hợp triển khai.

b) Sau khi được sự đồng ý của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại thông báo tới Hội đồng

Dân tộc, Ủy ban liên quan của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội để triển khai đón đoàn.

Cơ quan chủ trì đón, tiếp đoàn xây dựng Đề án đón đoàn và nội dung làm việc; phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chuẩn bị nội dung về quan hệ đối ngoại. Văn phòng Quốc hội phối hợp với cơ quan liên quan của Quốc hội triển khai công tác tổ chức, lễ tân, hậu cần đón đoàn theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Quy trình triển khai tiếp khách quốc tế được thực hiện như sau:

a) Cấp chủ trì tiếp khách quốc tế là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, cán bộ chuyên trách tại Đảng ủy Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, cơ quan chủ quản báo cáo Chủ tịch Quốc hội, đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại. Trường hợp có yếu tố phức tạp, nhạy cảm, cơ quan chủ quản lấy ý kiến Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi báo cáo Chủ tịch Quốc hội.

Cấp chủ trì tiếp khách từ Phó Chủ nhiệm, Ủy viên là Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách báo cáo cơ quan chủ quản. Trường hợp có yếu tố phức tạp, nhạy cảm, cơ quan chủ quản lấy ý kiến Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại.

b) Cơ quan chủ trì cuộc tiếp chủ trì nội dung làm việc, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chuẩn bị về nội dung quan hệ đối ngoại và phối hợp với Văn phòng Quốc hội về công tác tổ chức, lễ tân, hậu cần.

Khi kết thúc hoạt động, cơ quan chủ trì cuộc tiếp báo cáo Lãnh đạo Quốc hội kết quả cuộc tiếp, đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại.

4. Đối với những hoạt động đối ngoại có tính chất thông thường, phát sinh đột xuất, không có yếu tố phức tạp, nhạy cảm hoặc thời gian diễn ra gấp, hỗ trợ giải quyết tình huống khẩn cấp, Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại và Chủ tịch Quốc hội, đồng gửi Văn phòng Quốc hội để tổ chức triển khai.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Chủ trì về công tác tổ chức, hậu cần, tài chính, lễ tân nội bộ và các nhiệm vụ liên quan khác phục vụ hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Phối hợp về tổ chức, hậu cần, tài chính, lễ tân phục vụ hoạt động đối ngoại của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, đại biểu Quốc hội nếu được đề nghị.

3. Chủ động đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Văn phòng Quốc hội.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm toán nhà nước trong hoạt động đối ngoại

1. Kiểm toán nhà nước xây dựng Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để tổng hợp, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

2. Đối với việc điều chỉnh hoạt động đối ngoại đã được thông qua (trừ các điều chỉnh mang tính kỹ thuật) và hoạt động đối ngoại phát sinh ngoài Chương trình của Tổng Kiểm toán nhà nước và Phó Tổng Kiểm toán nhà nước là Ủy viên Trung ương Đảng và Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Kiểm toán nhà nước gửi văn bản đến Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để trình Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Tổng Kiểm toán nhà nước

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Kiểm toán nhà nước đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

b) Quyết định việc điều chỉnh hoạt động đối ngoại trong chương trình và hoạt động đối ngoại phát sinh ngoài chương trình của lãnh đạo và cán bộ công tác tại Kiểm toán nhà nước, trừ trường hợp là Ủy viên Trung ương Đảng và Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng.

4. Thời hạn, quy trình xin ý kiến, công tác quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài, đón các đoàn nước ngoài, công tác thông tin, báo cáo liên quan đến hoạt động đối ngoại của Kiểm toán nhà nước thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 15. Quy trình xây dựng Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, đại biểu Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước

1. Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước chủ động xây dựng Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của năm tiếp theo và gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại.

2. Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại tổng hợp, xây dựng Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua. Trên cơ sở Chương trình này, Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại và các cơ quan liên quan lập dự toán ngân sách hoạt động đối ngoại để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.

3. Đối với hoạt động đối ngoại ngoài Chương trình hoặc điều chỉnh các hoạt động đối ngoại trong chương trình, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi trình Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 16. Quy trình nhận huân, huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài, tổ chức quốc tế trao tặng; trao tặng huân, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của Đảng, Nhà nước Việt Nam dành cho cá nhân, tổ chức nước ngoài có đóng góp tích cực cho quan hệ đối ngoại giữa Quốc hội Việt Nam và đối tác nước ngoài

1. Đối với cán bộ là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, cán bộ chuyên trách công tác Đảng tại Đảng ủy Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, cơ quan chủ quản lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi trình Chủ tịch Quốc hội về việc nhận huân, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài, tổ chức quốc tế trao tặng. Sau khi Chủ tịch Quốc hội đồng ý, cơ quan chủ quản gửi văn bản đề nghị Ủy ban Công tác đại biểu để triển khai các thủ tục cần thiết theo quy định, đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để phối hợp.

Đối với các đại biểu Quốc hội khác khi nhận được đề nghị về việc nhận huân, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài, tổ chức quốc tế trao tặng, cơ quan chủ quản lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi trình xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại. Sau khi được sự đồng ý của Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, cơ quan chủ quản gửi văn bản đề nghị Ủy ban Công tác đại biểu triển khai các thủ tục cần thiết theo quy định, đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để phối hợp.

2. Đối với việc trao tặng huân, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của Đảng, Nhà nước Việt Nam dành cho cá nhân, tổ chức nước ngoài có đóng góp tích cực cho quan hệ đối ngoại giữa Quốc hội Việt Nam và đối tác nước ngoài, Thường trực Ủy ban Quốc phòng An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Chủ tịch Quốc hội và các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 17. Ứng cử, đề cử vào các vị trí trong tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực

Đại diện của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và đại biểu Quốc hội tham gia ứng cử, đề cử vào các vị trí trong tổ chức và diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi trình xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại và Chủ tịch Quốc hội theo thẩm quyền.

Điều 18. Thành lập Tổ chức Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam

1. Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì xây dựng tờ trình, đề án thành lập Tổ chức Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam và các Nhóm Nghị sĩ hữu nghị; dự kiến danh sách Đoàn Chủ tịch Tổ chức Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Công tác Đại biểu trình dự kiến danh sách Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Nhóm Nghị sĩ hữu nghị.

2. Ủy ban Công tác Đại biểu chủ trì ban hành Nghị quyết thành lập Tổ chức Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam, Nghị quyết và Quyết định thành lập các Nhóm Nghị sĩ hữu

ngợi; chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại kiến nghị thành phần các Đại biểu Quốc hội tham gia các Nhóm Nghị sĩ hữu nghị.

CHƯƠNG IV

TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN HỖ TRỢ CỦA NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ của nước ngoài

Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ của nước ngoài phải tuân theo các quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; về ngân sách nhà nước; về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức; về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Đề xuất yêu cầu tiếp nhận nguồn hỗ trợ của nước ngoài

1. Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội đề xuất nội dung hoạt động cần có nguồn hỗ trợ của nước ngoài gửi Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại. Đề xuất phải nêu rõ về sự cần thiết, nội dung, lĩnh vực, phạm vi hợp tác, cách thức quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ đó.

2. Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại có trách nhiệm tổng hợp, xem xét, đảm bảo tránh chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án khác của Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; báo cáo Chủ tịch Quốc hội và Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại quyết định theo thẩm quyền.

3. Căn cứ ý kiến của Chủ tịch Quốc hội và Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội được giao chủ trì phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại tiến hành các thủ tục đàm phán, ký kết về việc tiếp nhận nguồn hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Thực hiện chương trình, dự án

1. Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội gửi báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án của năm đó và định hướng hoạt động cho năm tiếp theo về Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để tổng hợp, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.

2. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội có chương trình, dự án hỗ trợ gửi dự kiến hoạt động thuộc chương trình, dự án của mình tới Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để tổng hợp, trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực và Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại cho ý kiến.

Điều 22. Chế độ tài chính - kế toán

1. Vốn đối ứng của dự án, chương trình hợp tác quốc tế là một khoản trong ngân sách hoạt động của Quốc hội. Chế độ chi tiêu vốn đối ứng phải tuân thủ chế độ tài chính và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Chế độ chi tiêu tài chính của dự án được thực hiện theo thỏa thuận ký kết với bên nước ngoài và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Chế độ kế toán thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và chuẩn mực quốc tế. Báo cáo kế toán phải được kiểm toán độc lập công nhận, được gửi tới các cơ quan liên quan của Việt Nam theo quy định trong văn kiện chương trình, dự án và theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC, THAM DỰ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

Điều 23. Thẩm quyền quyết định tổ chức, tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc đăng cai tổ chức hội nghị của tổ chức và diễn đàn liên nghị viện thế giới và khu vực tại Việt Nam, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Chính trị.

2. Chủ tịch Quốc hội quyết định việc chủ trì hoặc tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế của cán bộ là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, cán bộ chuyên trách công tác Đảng tại Đảng ủy Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Điều 24. Quy trình tổ chức hội thảo, hội nghị liên nghị viện thế giới và khu vực tại Việt Nam

1. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại đề xuất đăng cai tổ chức hội thảo, hội nghị liên nghị viện thế giới và khu vực tại Việt Nam cấp Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội. Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Trường hợp hội thảo, hội nghị thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư, Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại thông báo Bộ Ngoại giao để trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Khi tiếp nhận đề nghị tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm Nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm Đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Trong thời gian 10 ngày kể từ khi kết thúc hội nghị, hội thảo, Cơ quan chủ trì tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế gửi báo cáo kết quả tổ chức hội nghị, hội thảo tới Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng gửi Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để theo dõi, tổng hợp.

CHƯƠNG VI

THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Điều 25. Thông tin đối ngoại

1. Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại là đầu mối tham gia Ban Chỉ đạo trung ương về công tác thông tin đối ngoại. Văn phòng Quốc hội là cơ quan phối hợp thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại.

2. Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan chỉ đạo các hoạt động thông tin đối ngoại liên quan đến hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

Điều 26. Thông tin đối ngoại tại kỳ họp Quốc hội

1. Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chủ trì họp báo trước và sau kỳ họp để thông báo cho đoàn ngoại giao, các cơ quan thông tấn báo chí trong nước và quốc tế về chương trình, nội dung và kết quả của kỳ họp.

2. Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội mời các đoàn ngoại giao tham dự phiên khai mạc; phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại xin ý kiến Chủ tịch Quốc hội về việc mời đoàn ngoại giao tham dự các phiên họp khác của Quốc hội.

3. Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội trao đổi, thống nhất với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trước khi báo cáo Chủ tịch Quốc hội quyết định danh sách khách quốc tế dự thính phiên họp toàn thể của Quốc hội.

Điều 27. Trả lời phỏng vấn của nước ngoài, họp báo quốc tế

1. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại xem xét, đề xuất về việc Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội trả lời phỏng vấn của nước ngoài, họp báo quốc tế.

2. Đối với cán bộ là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, cán bộ chuyên trách công tác tại Đảng ủy Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, cơ quan chủ quản trình Chủ tịch Quốc hội về việc trả lời phỏng vấn nước ngoài trong trường hợp có yếu tố phức tạp, nhạy cảm.

3. Cấp trả lời phỏng vấn từ Phó Chủ nhiệm, Ủy viên là Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tự chịu trách nhiệm về việc trả lời phỏng vấn báo chí nước ngoài; trường hợp có yếu tố phức tạp, nhạy cảm, cơ quan chủ quản lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trước khi báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 1170/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế theo trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này./.

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn

Mẫu 01

Cơ quan / Tổ chức / Tỉnh, thành phố:...

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN RA - VÀO ĐÃ THỰC HIỆN NĂM...

I- ĐOÀN RA

TT	Tên đoàn	Danh nghĩa đoàn	Trưởng đoàn	Số thành viên	Đến nước	Đối tác làm việc	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Báo cáo	Loại đoàn	
											Trong KH	Ngoài KH
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1												
2												
...												

Lưu ý:

- 1- Tên đoàn: Đoàn của cơ quan nào, cấp nào ...
- 2- Danh nghĩa đoàn: Ghi rõ là đoàn đối ngoại, nghiên cứu, thăm nội bộ, đào tạo, nghiệp vụ ...
- 3- Trưởng đoàn: Ghi rõ họ tên, chức vụ của đồng chí Trưởng đoàn
- 4- Số thành viên: Ghi rõ số lượng thành viên tham gia đoàn
- 5- Đến nước: Ghi đầy đủ nước (các nước) đến công tác theo lộ trình, kể cả nước quá cảnh mà phải nhập cảnh tạm thời
- 6- Đối tác làm việc: Ghi rõ những đối tác làm việc chính
- 7- Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính
- 8- Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể ngày, tháng, năm triển khai hoạt động
- 9- Kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, kinh phí lấy từ nguồn nào; phía đối tác chi những khoản nào
- 10- Báo cáo: Ghi rõ số và ngày của văn bản báo cáo kết quả hoạt động của đoàn
- 11, 12- Loại đoàn: Ghi rõ đoàn trong hay ngoài kế hoạch đã được duyệt

II- ĐOÀN VÀO

TT	Tên đoàn vào	Đến từ nước	Trưởng đoàn	Số người	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Báo cáo	Loại đoàn	
									Trong KH	Ngoài KH
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										
2										
...										

Lưu ý:

- 1- Tên đoàn: Đoàn của nước / cơ quan / địa phương / đối tác ...
- 2- Đến từ nước: Ghi rõ nước cử đoàn vào. Trưởng hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi rõ nước đặt trụ sở
- 3- Trưởng đoàn: Ghi rõ họ tên, chức vụ của Trưởng đoàn
- 4- Số người: Ghi rõ số lượng khách nước ngoài vào Việt Nam
- 5- Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính
- 6- Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể ngày, tháng, năm triển khai hoạt động
- 7- Kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, kinh phí lấy từ nguồn nào
- 8- Báo cáo: Ghi rõ số và ngày của văn bản báo cáo kết quả đón đoàn
- 9, 10- Loại đoàn: Ghi rõ đoàn trong hay ngoài kế hoạch đã được duyệt

Mẫu 02

Cơ quan / Tổ chức / Tỉnh, thành phố:...

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN RA NĂM...

TT	Tên đoàn	Danh nghĩa đoàn	Trưởng đoàn	Số thành viên	Đến nước	Đối tác làm việc	Nội dung hoạt động	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1											
2											
...											

Ghi chú:

- 1- Tên đoàn: Đoàn của cơ quan nào, cấp nào ...
- 2- Danh nghĩa đoàn: Ghi rõ là đoàn đối ngoại, nghiên cứu, thăm nội bộ, đào tạo, nghiệp vụ...
- 3- Trưởng đoàn: Ghi rõ cấp Trưởng đoàn dự kiến
- 4- Số thành viên: Ghi rõ số lượng thành viên dự kiến tham gia đoàn
- 5- Đến nước: Ghi nước (các nước) đến công tác theo lộ trình, kể cả nước quá cảnh mà phải nhập cảnh tạm thời
- 6- Đối tác làm việc: Ghi rõ những đối tác chính làm việc
- 7- Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính
- 8- Số ngày: Tổng thời gian chuyển đi, kể cả thời gian đi, về và quá cảnh
- 9- Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể đến tháng
- 10- Nguồn kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, phía đối tác chi những khoản nào và kinh phí lấy từ nguồn nào (Ngân sách Đảng, ngân sách Nhà nước, ngân sách thường xuyên của cơ quan, tổ chức, địa phương; nước ngoài đài thọ, tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước...)

Mẫu 03

Cơ quan / Tổ chức / Tỉnh, thành phố:...

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN VÀO NĂM...

TT	Tên đoàn	Danh nghĩa đoàn	Trưởng đoàn	Số thành viên	Đến từ nước	Nội dung hoạt động	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										
2										
...										

Ghi chú:

- 1- Tên đoàn: Đoàn của nước / cơ quan / tổ chức / địa phương nào
- 2- Danh nghĩa đoàn: Ghi rõ là đoàn đối ngoại, thăm nội bộ, đào tạo, nghiệp vụ...
- 3- Trưởng đoàn: Ghi rõ cấp Trưởng đoàn dự kiến
- 4- Số thành viên: Ghi rõ số lượng thành viên dự kiến tham gia đoàn
- 5- Đến từ nước: Ghi rõ nước cử đoàn vào. Trưởng hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi rõ nước đặt trụ sở
- 6- Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính
- 7- Số ngày: Tổng số ngày ở Việt Nam (không tính thời gian đi, về của đoàn vào)
- 8- Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể đến tháng
- 9- Nguồn kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, phía đối tác chi những khoản nào và kinh phí lấy từ nguồn nào (Ngân sách Đảng, ngân sách Nhà nước, ngân sách thường xuyên của cơ quan, tổ chức, địa phương; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước...)

BÁO CÁO

Kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO

1. Tên hội nghị, hội thảo
2. Mục đích hội nghị, hội thảo
3. Nội dung, chương trình của hội nghị, hội thảo
4. Thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo
5. Người chủ trì và đồng chủ trì (nếu có)
6. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức (phía Việt Nam và phía nước ngoài)
7. Thông tin về báo cáo viên người nước ngoài
8. Thành phần tham dự, số lượng, cơ cấu thành phần đại biểu Việt Nam và đại biểu có quốc tịch nước ngoài
9. Nguồn kinh phí

II. KẾT QUẢ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO

1. Kết quả hội nghị, hội thảo
2. Đánh giá ưu điểm, hạn chế
3. Những vướng mắc, vấn đề phát sinh trong hội nghị, hội thảo đã hoặc chưa được xử lý (nếu có)
4. Các văn bản, tuyên bố được ký kết hoặc đưa ra tại hội nghị, hội thảo (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (NẾU CÓ)